

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**Câu 1.** Việt Nam có bao nhiêu dân tộc anh em?

- A. 53 B. 54 C. 55 D. 56

Câu 2. Dân tộc nào có số dân đông nhất nước ta?

- A. Tày B. Thái C. Kinh D. Hoa

Câu 3. Loại hình quần cư nào phổ biến ở nông thôn?

- A. Quần cư thành thị. B. Quần cư nông thôn.
-
- C. Quần cư ven biển. D. Quần cư công nghiệp.

Câu 4. Cơ cấu dân số nước ta hiện nay có đặc điểm

- A. tỉ lệ dân số trẻ cao. B. tỉ lệ người già tăng nhanh.
-
- C. nam nhiều hơn nữ. D. đang già hóa nhanh.

Câu 5. Ngành nào chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP nông, lâm, thủy sản?

- A. Nông nghiệp. B. Lâm nghiệp. C. Thủy sản. D. Cả ba ngang nhau.

Câu 6. Vùng nào sau đây có sản lượng lúa lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng B. Tây Nguyên
-
- C. Đồng bằng sông Cửu Long D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 7. Vùng nào có ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
-
- C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 8. Trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng.

Câu 9. (1,0 điểm) Hãy cho biết các nhận định sau **Đúng (Đ)** hay **Sai (S)**:

A.	Dân cư nước ta phân bố đồng đều giữa các vùng.	
B.	Quần cư thành thị tập trung đông dân, mật độ cao.	
C.	Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất cả nước.	
D.	Công nghiệp nước ta phân bố đồng đều khắp cả nước.	

Câu 10. Chuyển dịch cơ cấu thành phần và lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay:

- A. Thành phần kinh tế nhà nước chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP và có xu hướng tăng lên.
-
- B. Nước ta hiện nay có 6 vùng kinh tế - xã hội.
-
- C. Tỉ trọng thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hiện đang tăng rất nhanh.
-
- D. Sự chuyển dịch lãnh thổ kinh tế nhằm mục đích chính là khai thác tốt nhất lợi thế của từng vùng, đồng thời tạo mối liên kết ngành và địa phương.

Câu 11. (0,5 điểm) Dựa vào bảng số liệu sau:

Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở nước ta, năm 2000 và 2021

Năm	Tổng số dân (triệu người)	Nam	Nữ	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%)
2000	77,6	38,1	39,5	1,36
2021	98,5	49,1	49,4	0,93

Từ năm 2000 đến năm 2021, quy mô dân số nước ta trung bình mỗi năm tăng bao nhiêu triệu người?

Câu 12. (0,5 điểm) Biết năm 2021 ở nước ta có số dân thành thị là 36,6 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 37,1%. Tính số dân của nước ta năm 2021 (đơn vị tính: triệu người, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Phần II. Tự luận (3,0 điểm)**Câu 13. (1,0 điểm)** Trình bày sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta.**Câu 14. (2,0 điểm)** Cho bảng số liệu sau:**Sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2014-2021**

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2014	2016	2018	2021
Sản lượng thủy sản khai thác	3,01	3,26	3,65	3,93
Sản lượng thủy sản nuôi trồng	3,41	3,66	4,22	4,88
Tổng số	6,42	6,92	7,87	8,81

Hãy:

- Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2014-2021.
- Vì sao hiện nay ở nước ta sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác?

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 9-KẾT NỐI TRI THỨC

A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

PHẦN 1. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Các dân tộc thiểu số thường sinh sống ở đâu?

- A. Vùng đồng bằng và ven biển
B. Vùng đồi núi và cao nguyên
C. Các khu vực đô thị
D. Vùng đồng bằng châu thổ

Câu 2: So với các khu vực đồng bằng, ven biển thì khu vực miền núi có

- A. qui mô dân số đông hơn.
B. mật độ dân số cao hơn.
C. dân cư đông đúc hơn.
D. dân cư thưa thớt hơn.

Câu 3: Theo số liệu năm 2023 qui mô dân số nước ta đứng thứ ba ở Đông Nam Á, sau các quốc gia nào sau đây?

- A. Ma-lai-xi-a và Bru-nây.
B. In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin.
C. Thái Lan và Mi-an-ma.
D. Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây đúng về quần cư nông thôn ở nước ta?

- A. Chức năng quần cư đa dạng hơn quần cư thành thị.
B. Hoạt động kinh tế công nghiệp và dịch vụ là chủ yếu.
C. Chức năng quần cư thay đổi theo hướng đa dạng hơn.
D. Nơi cư trú cấu trúc thành phường, tổ dân phố, thị trấn.

Câu 5: Cơ cấu dân số theo giới tính ở nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây ?

- A. Tỷ lệ nữ thấp hơn nam và có xu hướng giảm.
B. Tỷ lệ nữ cao hơn nam và có xu hướng giảm.
C. Tỷ lệ nữ cao hơn nam và có xu hướng tăng.
D. Tỷ lệ nữ thấp hơn nam và có xu hướng tăng.

Câu 6: Nhân tố tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng ở nước ta?

- A. Địa hình
B. Khí hậu

C. Nguồn nước

D. Đất đai

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của nông nghiệp xanh?

A. Nâng cao sức cạnh tranh của nông sản.

B. chú trọng mở rộng qui mô và năng suất

C. Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

D. Giảm phát thải chất thải, khí thải chăn nuôi.

Câu 8. Nhà máy nhiệt điện chạy bằng than có công suất lớn nhất nước ta là

A. Ninh Bình.

B. Na Dương.

C. Phả Lại.

D. Uông Bí.

Câu 9. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta phát triển chủ yếu dựa vào

A. nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

B. cơ sở vật chất kỹ thuật rất tốt.

C. nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

D. nguồn nguyên liệu phong phú.

Câu 10. Công nghiệp chế biến chè của nước ta phân bố chủ yếu ở các vùng nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đông Nam Bộ.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 11. Ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề việc làm ở địa phương

A. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về nguồn lao động ở địa phương.

B. Sử dụng hết lao động ở địa phương.

C. Hạn chế được các tệ nạn xã hội

D. Nâng cao chất lượng cuộc sống ở địa phương

Câu 12. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về ý nghĩa của việc phát triển công nghiệp xanh.

A. Nâng cao sức cạnh tranh của nông sản, tăng chất lượng sản phẩm.

B. Bảo vệ môi trường và giảm nhẹ biến đổi khí hậu bảo đảm sức khỏe của người dân.

C. Tạo ra các sản phẩm an toàn thông qua sử dụng công nghệ tiên tiến.

D. Nhằm tái sử dụng các chất thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng.

PHẦN II. (2 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai

Học sinh trả lời câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn Đúng (Đ) hoặc sai (S)

Câu 13. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản vùng Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2010-2021

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2021
Sản lượng thủy sản			
Nuôi trồng	410,3	586,9	844,8
Khai thác	198,9	248,3	355,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

a) Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn thủy sản khai thác.

b) Sản lượng thủy sản nuôi trồng và sản lượng thủy sản khai thác đều tăng.

c) Tỷ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng liên tục và tăng rất nhanh.

d) Tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng thủy sản khá nhanh, đạt 197,0%.

Câu 14. Dựa vào bảng số liệu sau:

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp dệt, may và giày dép ở nước ta, giai đoạn 2010-2022

Năm	2010	2015	2020	2022
Vải (triệu m ²)	1176,9	1525,6	2377,0	2735,0
Quần áo mặc thường (triệu cái)	2604,5	4320,0	5406,8	5957,1

Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	253,0	287,2	345,0
--------------------------	-------	-------	-------	-------

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a) Giai đoạn 2010-2022, sản lượng một số sản phẩm ngành dệt, may ở nước ta tăng liên tục.
b) Giai đoạn 2010-2022, sản lượng giày, dép da tăng 1,6 lần.
c) Giai đoạn 2010-2022, sản lượng quần áo mặc thường tăng nhanh hơn sản lượng giày, dép da.
d) Dạng biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sản lượng các sản phẩm công nghiệp trong bảng trên.

PHẦN III. (2 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Học sinh trả lời câu 15 đến câu 18.

Câu 15. Cho bảng số liệu:**Tổng số dân của nước ta giai đoạn 2000 - 2023**

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2000	2015	2021	2023
Tổng số dân	77,6	92,2	98,5	100,3

(Niên giám thống kê Việt Nam năm 2001, năm 2022, năm 2023)

Căn cứ bảng số liệu trên hãy cho biết dân số năm 2023 tăng bao nhiêu triệu người so với năm 2000? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của triệu người).

Câu 16. Năm 2023, dân số Việt Nam là 100309,2 nghìn người, diện tích tự nhiên là 331344,8 km². Vậy mật độ dân số của Việt Nam năm 2023 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 17. Việc phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc ít người ở nước ta cần được chú trọng hơn nữa chủ yếu do?

Câu 18. Tỷ trọng nhóm tuổi từ 60 trở lên ở nước ta có xu hướng tăng chủ yếu do?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Học sinh trả lời câu 19 đến câu 20.

Câu 19 (2,0 điểm)

Phân tích tình hình sản xuất cây lương thực ở nước ta.

Câu 20 (0,5 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP DỆT VÀ SẢN XUẤT TRANG PHỤC; SẢN XUẤT GIÀY, DÉP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2021
Sản phẩm			
Quần áo mặc thường (tỉ cái)	2,6	4,3	5,5
Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	253,0	317,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Nhận xét về sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp dệt và sản xuất trang phục; sản xuất giày dép ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2021.

5.2. Hướng dẫn chấm**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)****PHẦN II. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**PHẦN 1. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Việt Nam có bao nhiêu dân tộc anh em?

- A. 52
- B. 53
- C. 54
- D. 55

Câu 2. Dân tộc Kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số Việt Nam?

- A. 75%
- B. 80%
- C. 85%
- D. 90%

Câu 3. Người Ê-đê, Gia-rai, Ba-na cư trú tập trung nhiều ở vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Tây Nguyên
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Đông Nam Bộ

Câu 4. Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng nào?

- A. Tây Nguyên
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Đông Nam Bộ
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 5. Nhân tố kinh tế – xã hội nào sau đây có vai trò mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm?

- A. Thị trường
- B. Sinh vật
- C. Địa hình
- D. Khí hậu

Câu 6. Nhân tố tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng ở nước ta?

- A. Địa hình
- B. Khí hậu
- C. Nguồn nước
- D. Đất đai

Câu 7. Lúa gạo tập trung nhiều nhất ở hai vùng nào?

- A. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên
- B. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên

Câu 8. Năm 2021, vùng nào có diện tích rừng lớn nhất cả nước?

- A. Tây Nguyên
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung
- D. Đông Nam Bộ

Câu 9. Bốn ngư trường trọng điểm của Việt Nam gồm:

- A. Hải Phòng – Quảng Ninh, Hoàng Sa – Trường Sa, Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa Vũng Tàu, Cà Mau – Kiên Giang
- B. Quảng Ninh – Hải Dương, Hoàng Sa – Trường Sa, Ninh Thuận – Phú Yên, Cà Mau – Sóc Trăng
- C. Hải Phòng – Quảng Ninh, Hoàng Sa – Trường Sa, Khánh Hòa – Ninh Thuận, Trà Vinh – Bến

Tre

D. Quảng Bình – Quảng Trị, Hoàng Sa – Trường Sa, Bình Thuận – Bà Rịa, Kiên Giang – An

Giang

Câu 10. Than đá tập trung khai thác chủ yếu ở tỉnh nào?

- A. Lạng Sơn
- B. Thái Nguyên
- C. Quảng Ninh
- D. Bắc Giang

Câu 11. Cơ cấu dân số Việt Nam đang thay đổi theo hướng nào?

- A. Tỷ lệ trẻ em tăng, tỷ lệ người già giảm
- B. Tỷ lệ trẻ em giảm, tỷ lệ người già tăng
- C. Cả trẻ em và người già đều giảm
- D. Cả trẻ em và người già đều tăng

Câu 12. Vì sao nông nghiệp nước ta có sản phẩm đa dạng quanh năm?

- A. Do diện tích đồng bằng lớn
- B. Do nguồn lao động đông
- C. Do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hóa theo mùa và theo vùng
- D. Do nhiều chính sách khuyến nông

PHẦN II. (2 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai

Học sinh trả lời câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, học sinh chọn Đúng (Đ) hoặc sai (S)

Câu 13. Hãy xác định các phát biểu sau là **Đúng (Đ)** hay **Sai (S)** về ngành nông nghiệp

- a) Lúa là cây lương thực chính, tập trung nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
- b) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa phân hóa theo mùa và vùng là nhân tố quan trọng làm cho nông nghiệp nước ta đa dạng sản phẩm.
- c) Mô hình trồng rau sạch theo tiêu chuẩn VietGAP ở ngoại thành Hà Nội là một mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.
- d) Vùng có diện tích rừng lớn nhất nước ta là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, trong đó rừng trồng chiếm tỷ lệ cao.

Câu 14. Hãy xác định các phát biểu sau là **Đúng (Đ)** hay **Sai (S)** về ngành công nghiệp

- a) Ngành công nghiệp khai khoáng hiện nay chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu công nghiệp Việt Nam
- b) Hiện nay, các trung tâm công nghiệp quy mô rất lớn ở nước ta tập trung chủ yếu ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
- c) Thị trường trong nước hạn hẹp, ít ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp Việt Nam.
- d) Phát triển công nghiệp xanh giúp tiết kiệm chi phí sản xuất và giảm tác động xấu đến môi trường.

PHẦN III. (2 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Học sinh trả lời câu 15 đến câu 18.

Câu 15. Hãy cho biết vùng nào có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước ta hiện nay.

Câu 16. Cho bảng số liệu:

Bảng 2. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam, năm 1999 và 2021

(Đơn vị: %)

Năm	Dưới 15 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
1999	33,1	61,1	5,8
2021	24,1	67,6	8,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỷ lệ nhóm tuổi dưới 15 tuổi thay đổi như thế nào trong giai đoạn 1999–2021.

Câu 17. Cho bảng số liệu:

Bảng 2. Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác của Việt Nam, năm 2010 và 2021

Năm	Nuôi trồng	Khai thác
2010	2732,3	2472,2
2021	4887,9	3938,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên hãy tính tỉ trọng (%) sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước năm 2021 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

Câu 18. Hãy cho biết hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư nông thôn và thành thị ở Việt Nam?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Học sinh trả lời câu 19 đến câu 20.

Câu 19 (2,0 điểm): Cho bảng số liệu sau:

Bảng 3. Dân số và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Việt Nam giai đoạn 1989 – 2021

Năm	1989	1999	2009	2021
Dân số (triệu người)	64,6	76,5	86,0	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	2,10	1,51	1,06	0,94

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

a) Chọn biểu đồ thích hợp thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Việt Nam giai đoạn 1989 – 2021.

b) Nhận xét.

Câu 2 (1,0 điểm): Dựa vào kiến thức đã học, em hãy phân tích vai trò của nguồn lao động đối với sự phát triển và phân bố công nghiệp ở Việt Nam.

ĐỀ 4

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 9-KẾT NỐI TRI THỨC

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, thí sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Các dân tộc thiểu số sinh sống ở

A. cao nguyên và trung du.

B. đồng bằng và đồi núi.

C. đồi núi và ven biển.

D. đồi núi và cao nguyên.

Câu 2. Vùng nào có mật độ dân số cao nhất cả nước?

A. Tây Nguyên.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đông Bắc Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3. Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi được biểu hiện ở

A. Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi về thời gian.

B. Mỗi một vùng chỉ có tối đa 2 dân tộc cùng sinh sống.

C. Các dân tộc thiểu số phân bố không đồng đều, tập trung đông tại ven biển.

D. Phân bố ngày càng đan xen với nhau trên lãnh thổ nước ta.

Câu 4. Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất ở nước ta là:

A. Đông nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ.

B. Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

C. Đông nam Bộ và Tây Nguyên.

D. Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 5. Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do vùng này có:

A. Cơ sở vật chất hiện đại.

B. Nguồn vốn đầu tư tăng lên.

C. Nguồn thức ăn dồi dào.

D. Lao động giàu kinh nghiệm.

Câu 6. Vùng nào ở nước ta có lợi thế nhất để phát triển ngành công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Duyên Hải Nam Trung Bộ.

C. Đồng bằng Sông Cửu Long.

D. Đông Nam Bộ

Câu 7. Hai loại hình quần cư ở nước ta là:

A. Quần cư nông thôn và quần cư thành thị.

B. Quần cư ven biển và quần cư thành thị.

C. Quần cư nông thôn và quần cư miền núi.

D. Quần cư đồng bằng và quần cư thành thị.

Câu 8. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào:

A. Hoa màu lương thực.

B. Phụ phẩm thủy sản.

C. Thức ăn công nghiệp.

D. Đồng cỏ tự nhiên.

Câu 9. Vì sao một số vùng kinh tế của nước ta, công nghiệp kém phát triển?

A. Tài nguyên khoáng sản nghèo nàn.

B. Thiếu nguồn lao động đặc biệt nguồn lao động có tay nghề.

C. Kết cấu hạ tầng còn yếu kém và vị trí địa lí không thuận lợi.

D. Thiếu sự đồng bộ của các nhân tố tài nguyên, nguồn lao động, cơ sở hạ tầng,...

Câu 10. Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thủy sản ven bờ ở nước ta hiện nay là gì?

A. Nguồn lợi sinh vật giảm sút nghiêm trọng.

B. Vùng biển ở một số địa phương bị ô nhiễm.

C. Nước biển dâng, bờ biển nhiều nơi bị sạt lở.

D. Có nhiều cơn bão xuất hiện trên Biển Đông.

Câu 11. Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là:

A. Khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.

B. Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.

C. Tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.

D. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

Câu 12. Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm hoạt động kinh tế của quần cư thành thị nước ta?

A. Mật độ dân số thấp.

B. Nơi cư trú được cấu trúc thành phường, thị trấn,...

C. Thực hiện đa chức năng.

D. Hoạt động chủ yếu là công nghiệp, dịch vụ.

II. Trắc nghiệm “Đúng – Sai” (2,0 điểm).

Đọc đoạn thông tin dưới đây, trong mỗi ý a), b), c), d), thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Lưu ý: đánh dấu X vào cột đúng/ sai.

Câu 13 (1,0 điểm). Cơ cấu cây trồng của nước ta ngày càng đa dạng, các cây trồng được phân bố ngày càng hợp lý, phát huy được điều kiện sản xuất của các địa phương.

Nhận định	Đúng	Sai
a. Trong cơ cấu cây lương thực, cây lúa đóng vai trò chủ đạo và được tập trung nhất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.		
b. Các cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao được mở rộng và được trồng tập trung thành các vùng chuyên canh.		
c. Cây điều và hồ tiêu được trồng nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ vì phù hợp với điều kiện về khí hậu và thổ nhưỡng.		
d. Cây ăn quả có diện tích tăng nhanh, cơ cấu cây ăn quả ngày càng đa dạng và được trồng tập trung ở nhiều tỉnh.		

Câu 14 (1,0 điểm). Thông tin:

“Số liệu thống kê sơ bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy trong 10 năm qua, quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh và rộng khắp tại nhiều địa phương đã tác động làm gia tăng dân số ở khu vực thành thị. Dân số thành thị ở Việt Nam năm 2019 là 33 059 nghìn người, chiếm 34,4 % tổng số dân. Hiện Việt Nam đang là nước có tốc độ đô thị hoá lớn nhất Đông Nam Á, hàng năm có trên 1 triệu dân trở thành dân cư đô thị. Dự báo đến năm 2025, dân số đô thị của Việt Nam sẽ chiếm khoảng 50% dân số cả nước.”

(Nguồn: <https://vccinews.vn/news/2587-phat-trien-ben-vung-doi-mat-voi-thach-thuc-tu-qua-trinh-do-thi-hoa.html>)

Nhận định	Đúng	Sai
a. Quá trình đô thị hóa ở nước ta đang diễn ra với tốc độ nhanh.		
b. Tỷ lệ dân đô thị ngày càng tăng.		
c. Nước ta có tốc độ đô thị hóa cao nhất thế giới.		
d. Đô thị hóa diễn ra nhanh sẽ cản trở sự phát triển kinh tế.		

III. Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn (2,0 điểm).**Câu 15 (0,5 điểm).** Dựa vào bảng số liệu sau:**Sản lượng thủy sản nước ta, năm 2010 và 2021**

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	Tổng sản lượng thủy sản	Khai thác	Nuôi trồng
2010	5,2	2,5	2,7
2021	8,8	3,9	4,9

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a. Tổng sản lượng thủy sản nước ta từ năm 2010 đến năm 2021 tăng bao nhiêu triệu tấn?
- b. Năm 2021, tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm bao nhiêu phần trăm (%) tổng sản lượng thủy sản? (đơn vị tính: %, làm tròn kết quả 1 số sau dấu phẩy).

Câu 16 (0,5 điểm). Dựa vào bảng số liệu sau:**Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta, giai đoạn 2010-2021**

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	Cà phê	Cao su	Chè
2010	554,8	748,7	129,9
2015	643,3	985,6	133,6
2021	710,6	930,5	123,6

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a. Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết trong giai đoạn 2010 – 2021, diện tích cây cao su tăng bao nhiêu nghìn ha? (Đơn vị tính: nghìn ha, làm tròn kết quả 1 số sau dấu phẩy).
- b. Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết năm 2021, diện tích cây cà phê gấp bao nhiêu lần diện tích cây chè? (Đơn vị tính: lần, làm tròn kết quả 1 số sau dấu phẩy).

Câu 17 (0,25 điểm). Biết năm 2021 ở nước ta, diện tích gieo trồng lúa là 7,2 triệu ha, sản lượng lúa là 43,9 triệu tấn. Tính năng suất lúa của nước ta năm 2021? (Đơn vị tính: tạ/ha, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 18 (0,25 điểm). Biết năm 2021 ở nước ta, diện tích rừng đủ tiêu chí tính tỉ lệ che phủ là 13,0 triệu ha, diện tích đất tự nhiên 33,1 triệu ha. Tính tỉ lệ che phủ rừng của nước ta năm 2021? (Đơn vị tính: %, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 19 (0,5 điểm). Dựa vào bảng số liệu sau:

**Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi ở nước ta,
giai đoạn 2010-2021**

(Đơn vị: triệu người)

Năm	Tổng số	Từ 15-24 tuổi	Từ 25-49 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
2010	50,4	9,2	31,0	10,2
2015	54,3	8,0	32,2	14,1
2021	50,6	5,1	31,9	13,6

- a. Năm 2010 tỉ lệ lao động của nhóm tuổi 15-24 chiếm bao nhiêu phần trăm (%) trong tổng số lao động cả nước?
- b. Từ năm 2010 đến năm 2021, tỉ lệ lao động của nhóm tuổi từ 15-24 tuổi trong tổng số lao động cả nước giảm bao nhiêu phần trăm (%)?

B. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu 20 (2,0 điểm). Phân tích vai trò của nhân tố địa hình và đất đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

Câu 21 (1,0 điểm). Giải thích tại sao ở nước ta cần phát triển công nghiệp xanh?